

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG ĐỐI VỚI 109 HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN THÔN TÂN DÂN 2, XÃ THANH OAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐỀ THỰC HIỆN DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU ĐÔ THỊ THỂ THAO OLYMPIC (KHU ĐÔ THỊ THỂ THAO QUỐC TẾ HÀ NỘI) ĐỢT 11
(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-UBND ngày 10/06/2026 của UBND xã Thanh Oai)

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý										Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Người nhận tiền (ký và ghi rõ họ tên)
				Số phát hành	Nơi cấp	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m ²)	Số thửa đất	Tờ bản đồ	Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m ²)	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m ²)		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m ² (không quá 10.000.000đ/hộ)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	
1	Đào Chí Vũ	Thôn Tân Dân 2, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001073047187	CG 345140	UBND huyện Thanh Oai	8/12/2016	Đồng Gù	LUC	319	00	162	360	53	708	162,0	50.220.000	125.550.000	1.620.000	177.390.000	
2	Đào Quang Ngạn	Thôn Tân Dân 2, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001064017922	CG 345185	UBND huyện Thanh Oai	08/12/2016	Đồng Gù	LUC	164	00	149	229	53	863	149	46.190.000	115.475.000	1.490.000	163.155.000	
3	Đình Khắc Liên	Tân Dân 2	001072020972	CE 801906	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đống Dịch	LUC	216-227	00	121	63	57	456	121	37.510.000	93.775.000	1.210.000	132.495.000	
4	Hoàng Thị Đức	Tân Dân 2	001142012333	CG 345087	UBND huyện Thanh Oai	08/12/2016	Đồng Gù	LUC	299	00	197	356	53	960	197	61.070.000	152.675.000	1.970.000	215.715.000	
5	Hoàng Văn Công	Tân Dân 2	001072047081	CE 801936	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đống Dịch	LUC	784	00	121	20	57	456	121	37.510.000	93.775.000	1.210.000	132.495.000	
6	Nguyễn Thị Tuyền đại diện Hoàng Văn Đoàn (chết)	Tân Dân 2	014160002894	CG 345180	UBND huyện Thanh Oai	08/12/2016	Đồng Gù	LUC	241+243	00	223	380	53	900	223	69.130.000	172.825.000	2.230.000	244.185.000	
7	Lê Thị Xuân đại diện Hoàng Văn Kha (chết)	Tân Dân 2	001176002606	CG 345197	UBND huyện Thanh Oai	08/12/2016	Đống Dịch	LUC	808	00	95	27	57	624	95	29.450.000	73.625.000	950.000	104.025.000	
8	Hoàng Văn Lương	Tân Dân 2	001060011154	CG 345111	UBND huyện Thanh Oai	08/12/2016	Đồng Gù	LUC	312	00	165	359	53	792	165	51.150.000	127.875.000	1.650.000	180.675.000	
9	Hoàng Văn Mạnh	Tân Dân 2	001073012482	CE 801957	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đồng Gù	LUC	313	00	108	377	53	456	108	33.480.000	83.700.000	1.080.000	118.260.000	

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý								Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m ²)	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m ²)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Người nhận tiền (ký và ghi rõ họ tên)
				Số phát hành	Nơi cấp	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m ²)	Số thửa đất	Tờ bản đồ				Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m ² (không quá 10.000.000đ/hộ)		
10	Lê Thị Loan đại diện Hoàng Văn Minh (chết)	Tân Dân 2	001164007246	CG 345198	UBND huyện Thanh Oai	08/12/2016	Đồng Gò	LUC	135	00	210	195	53	864	210	65.100.000	162.750.000	2.100.000	229.950.000	
11	Kiều Ngọc Huy	Tân Dân 2	001069039468	CE 801969	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đồng Gò	LUC	241-243	00	143	339	53	540	143	44.330.000	110.825.000	1.430.000	156.585.000	
12	Lê Đình Nội	Tân Dân 2	001039006327	CE 801963	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đồng Gò	LUC	253	00	92	335	53	744	92	28.520.000	71.300.000	920.000	100.740.000	
13	Lê Đình Phương	Tân Dân 2	001052022717	CG 411693	UBND huyện Thanh Oai	22/12/2016	Đồng Gò	LUC	241-243	00	190	182	53	1079	286	88.660.000	221.650.000	2.860.000	313.170.000	
					UBND huyện Thanh Oai		Đồng Gò	LUC	241-243	00	96	159	53			-	-	-	-	
14	Lê Thị Hà	Tân Dân 2	001174007253	CG 411517	UBND huyện Thanh Oai	22/12/2016	Đồng Gò	LUC	243	00	99	295	53	325	99	30.690.000	76.725.000	990.000	108.405.000	
15	Lê Thị Mai	Tân Dân 2	001159002192	CE 801948	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đống Dịch	LUC	216-227	00	137	22	57	660	137	42.470.000	106.175.000	1.370.000	150.015.000	
16	Phạm Thị Duyên đại diện Lê Thị Sáng (chết)	Tân Dân 2	001162017690	CG 345173	UBND huyện Thanh Oai	08/12/2016	Gù	LUC	202	00	140	281	53	600	140	43.400.000	108.500.000	1.400.000	153.300.000	
17	Nguyễn Đình Anh đại diện Lê Thị Thân (chết)	Tân Dân 2	001082035033	CG 345195	UBND huyện Thanh Oai	8/12/2016	Đồng Gò	LUC	241+243	00	192	168	53	862	192	59.520.000	148.800.000	1.920.000	210.240.000	
18	Lê Văn Bao	Tân Dân 2	001046003567	CG 411715	UBND huyện Thanh Oai	22/12/2016	Đồng Gò	LUC	257	00	181	325	53	1032	181	56.110.000	140.275.000	1.810.000	198.195.000	
19	Lê Văn Bấy	Tân Dân 2	001076069562	CE 801945	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đồng Gò	LUC	247	00	143	307	53	600	143	44.330.000	110.825.000	1.430.000	156.585.000	

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý								Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m ²)	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m ²)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Người nhận tiền (ký và ghi rõ họ tên)
				Số phát hành	Nơi cấp	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m ²)	Số thửa đất	Tờ bản đồ				Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m ² (không quá 10.000.000đ/hộ)		
20	Lê Văn Cường	Tân Dân 2	001069036832	CG 411523	UBND huyện Thanh Oai	22/12/2016	Đồng Gù	LUC	178	00	121	244	53	456	121	37.510.000	93.775.000	1.210.000	132.495.000	
21	Lê Văn Đường	Tân Dân 2	001068010092	CE 801992	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Gù	LUC	246	00	143	304	53	600	143	44.330.000	110.825.000	1.430.000	156.585.000	
22	Lê Văn Hồng	Tân Dân 2	001071049526	CE 801986	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Gù	LUC	258	00	194	328	53	894	194	60.140.000	150.350.000	1.940.000	212.430.000	
23	Lê Văn Liễu	Tân Dân 2	001062050838	CE 801960	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đồng Gù	LUC	288	00	165	352	53	744	165	51.150.000	127.875.000	1.650.000	180.675.000	
24	Lê Văn Lý	Tân Dân 2	001056007278	CE 801950	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đồng Gù	LUC	191	00	178	237	53	744	178	55.180.000	137.950.000	1.780.000	194.910.000	
25	Lê Văn Nghĩa	Tân Dân 2	001052004552	CH 160888	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Gù	LUC	190	00	178	210	53	744	178	55.180.000	137.950.000	1.780.000	194.910.000	
26	Lê Văn Phát	Tân Dân 2	001056028641	CG 345191	UBND huyện Thanh Oai	8/12/2016	Đồng Gù	LUC	261+239	00	140	305	53			75.020.000	187.550.000	2.420.000	264.990.000	
					UBND huyện Thanh Oai		Đồng Gù	LUC	261+239	00	102	313	53			-	-	-	-	
27	Lê Văn Phương	Tân Dân 2	001046000959	CG 345202	UBND huyện Thanh Oai	08/12/2016	Đồng Gù	LUC	160	00	280	227	53	1416	280	86.800.000	217.000.000	2.800.000	306.600.000	
28	Lê Văn San	Tân Dân 2	001056009510	CE 801968	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đồng Gù	LUC	298	00	213	374	53	888	213	66.030.000	165.075.000	2.130.000	233.235.000	
29	Lê Văn Tăng	Tân Dân 2	001051009519	CH 160892	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Đống Dịch	LUC	804	00	181	32	57		181	56.110.000	140.275.000	1.810.000	198.195.000	

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý								Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m ²)	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m ²)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Người nhận tiền (ký và ghi rõ họ tên)
				Số phát hành	Nơi cấp	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m ²)	Số thửa đất	Tờ bản đồ				Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m ² (không quá 10.000.000đ/hộ)		
30	Lê Văn Thành	Tân Dân 2	001074013281	CG 345122	UBND huyện Thanh Oai	08/12/2016	Đồng Gù	LUC	241+243	00	48	200	53	300	48	14.880.000	37.200.000	480.000	52.560.000	
31	Lê Văn Thuyết	Tân Dân 2	001063011442	CE 801955	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đồng Gù	LUC	192	00	178	246	53	840	178	55.180.000	137.950.000	1.780.000	194.910.000	
32	Lê Văn Tiếp	Tân Dân 2	001055022487	CE 801988	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Gù	LUC	215	00	229	276	53	1032	229	70.990.000	177.475.000	2.290.000	250.755.000	
33	Lê Văn Triển	Tân Dân 2	001058017225	CE 801943	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đồng Gù	LUC	176	00	134	236	53	600	134	41.540.000	103.850.000	1.340.000	146.730.000	
34	Lê Văn Trường	Tân Dân 2	001081006784	CG 411890	UBND huyện Thanh Oai	08/12/2016	Gù	LUC	241-243	2	127	201	53			112.220.000	280.550.000	3.620.000	396.390.000	
					UBND huyện Thanh Oai		Gù	LUC	241-243	2	235	208	53	1440	362	-	-	-	-	
35	Lê Văn Yên	Tân Dân 2	001060011564	CG 411707	UBND huyện Thanh Oai	22/12/2016	Đồng Gù	LUC	281	00	108	320	53	555,3	108	33.480.000	83.700.000	1.080.000	118.260.000	
36	Lê Xuân Quang	Tân Dân 2	001066007482	CH 160905	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Đồng Gù	LUC	241-243	2	165	277	53	684	165	51.150.000	127.875.000	1.650.000	180.675.000	
37	Lê Xuân Sáng	Tân Dân 2	001072048012	CG 345100	UBND huyện Thanh Oai	8/12/2016	Đồng Gù	LUC	286	00	130	348	53	490	130	40.300.000	100.750.000	1.300.000	142.350.000	
38	Lê Xuân Thanh	Tân Dân 2	001067000759	CH 160868	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Đồng Gù	LUC	287	00	163	351	53	674	163	50.530.000	126.325.000	1.630.000	178.485.000	
39	Lưu Thị Gái	Tân Dân 2	001135011840	CG 345220	UBND huyện Thanh Oai	8/12/2016	Gù	LUC	252	00	87	333	53	372	87	26.970.000	67.425.000	870.000	95.265.000	

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý								Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m ²)	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m ²)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Người nhận tiền (ký và ghi rõ họ tên)
				Số phát hành	Nơi cấp	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m ²)	Số thửa đất	Tờ bản đồ				Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m ² (không quá 10.000.000đ/hộ)		
40	Hoàng Thị Mai đại diện Lưu Văn Trung (chết)	Tân Dân 2	001165015660	CG 345159	UBND huyện Thanh Oai	8/12/2016	Đồng Gù	LUC	241+243	00	242	163	53	1248	242	75.020.000	187.550.000	2.420.000	264.990.000	
41	Nguyễn Đình Bình	Tân Dân 2	001056007645	CE 801909	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đồng Gù	LUC	189	00	219	253	53	1056	219	67.890.000	169.725.000	2.190.000	239.805.000	
42	Nguyễn Đình Bình	Tân Dân 2	001054029204	CG 345170	UBND huyện Thanh Oai	08/12/2016	Đồng Gù	LUC	241+243	00	99,0	384	53	1039	204	63.240.000	158.100.000	2.040.000	223.380.000	
					UBND huyện Thanh Oai		Đồng Gù	LUC	241+243	00	105,0	389	53			-	-	-	-	-
43	Nguyễn Đình Công	Tân Dân 2	001072040068	CG 345132	UBND huyện Thanh Oai	8/12/2016	Gù	LUC	241+243	00	213	300	53	1200	213	66.030.000	165.075.000	2.130.000	233.235.000	
44	Nguyễn Đình Minh đại diện Nguyễn Đình Công	Tân Dân 2	001071009807	CG 345120	UBND huyện Thanh Oai	8/12/2016	Đồng Gù	LUC	322	00	143	379	53	600	143	44.330.000	110.825.000	1.430.000	156.585.000	
45	Nguyễn Đình Đạt	Tân Dân 2	001073013080	CG 345118	UBND huyện Thanh Oai	08/12/2016	Đồng Gù	LUC	222	00	70	279	53	264	70	21.700.000	54.250.000	700.000	76.650.000	
46	Nguyễn Đình Duyên (chết) Hoàng Thị Sàng đại diện	Tân Dân 2	001146013806	CG 345124	UBND huyện Thanh Oai	08/12/2016	Đống Dịch	LUC	6	00	220	101	57	972	220	68.200.000	170.500.000	2.200.000	240.900.000	
47	Nguyễn Đình Hiệp	Tân Dân 2	001075038989	CG 345153	UBND huyện Thanh Oai	8/12/2016	Đồng Gù	LUC	278	00	124	345	53	468	124	38.440.000	96.100.000	1.240.000	135.780.000	
48	Nguyễn Đình Hùng	Tân Dân 2	001067029891	CG 345125	UBND huyện Thanh Oai	8/12/2016	Đồng Gù	LUC	269	00	115	309	53	456	115	35.650.000	89.125.000	1.150.000	125.925.000	
49	Nguyễn Đình Lệ	Tân Dân 2	001059034487	CE 801994	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đồng Gù	LUC	207	00	153	270	53	744	153	47.430.000	118.575.000	1.530.000	167.535.000	

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý								Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m ²)	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m ²)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Người nhận tiền (ký và ghi rõ họ tên)
				Số phát hành	Nơi cấp	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m ²)	Số thửa đất	Tờ bản đồ				Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m ² (không quá 10.000.000đ/hộ)		
50	Nguyễn Đình Luân	Tân Dân 2	001066038280	CG 411698	UBND huyện Thanh Oai	22/12/2016	Đồng Dịch	LUC	807	00	490	28	57	1850	490	151.900.000	379.750.000	4.900.000	536.550.000	
51	Nguyễn Đình Lương	Tân Dân 2	001073011332	CG 345114	UBND huyện Thanh Oai	08/12/2016	Đồng Dịch	LUC	798	00	84	57	57	372	84	26.040.000	65.100.000	840.000	91.980.000	
52	Nguyễn Đình Mát (chết) Phạm Thị Ngát đại diện	Tân Dân 2	001143020842	CG 411716	UBND huyện Thanh Oai	22/12/2016	Đồng Gù	LUC	241-243	00	254	334	53	984	254	78.740.000	196.850.000	2.540.000	278.130.000	
53	Nguyễn Đình Hùng đại diện Nguyễn Đình Mốc (chết)	Tân Dân 2	001067029891	CE 801925	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Gù	LUC	269	00	76	312	53	456	76	23.560.000	58.900.000	760.000	83.220.000	
54	Nguyễn Đình Sang	Tân Dân 2	001064004162	CE 801964	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đồng Gù	LUC	323	00	178	344	53	744	178	55.180.000	137.950.000	1.780.000	194.910.000	
55	Nguyễn Đình Soi	Tân Dân 2	001055006946	CG 345207	UBND huyện Thanh Oai	08/12/2016	Gù	LUC	277	00	285	340	53	1266	285	88.350.000	220.875.000	2.850.000	312.075.000	
56	Lê Thị Tân đại diện Nguyễn Đình Thái (chết)	Tân Dân 2	001169035777	CG 345133	UBND huyện Thanh Oai	08/12/2016	Đồng Dịch	LUC	216+227	00	105	25	57	456	105	32.550.000	81.375.000	1.050.000	114.975.000	
57	Nguyễn Đình Thiện	Tân Dân 2	001093015700	CE 801934	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đồng Gù	LUC	218	00	172	263	53	804	172	53.320.000	133.300.000	1.720.000	188.340.000	
58	Nguyễn Đình Vượng	Tân Dân 2	001065011885	CG 411683	UBND huyện Thanh Oai	22/12/2016	Đồng Gù	LUC	238	00	99	386	53	444	99	30.690.000	76.725.000	990.000	108.405.000	
59	Nguyễn Đình Vượng	Tân Dân 2	001065011885	CE 801941	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đồng Gù	LUC	318	00	178	387	53	744	178	55.180.000	137.950.000	1.780.000	194.910.000	
60	Lê Thị Hạnh đại diện Nguyễn Hữu Thanh (chết)	Tân Dân 2	001158029889	CG 345145	UBND huyện Thanh Oai	08/12/2016	Đồng Gù	LUC	327	00	95	390	53	1020	95	29.450.000	73.625.000	950.000	104.025.000	

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý								Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m ²)	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m ²)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Người nhận tiền (ký và ghi rõ họ tên)
				Số phát hành	Nơi cấp	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m ²)	Số thửa đất	Tờ bản đồ				Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m ² (không quá 10.000.000đ/hộ)		
61	Nguyễn Thị Chác đại diện Phạm Văn Cầu (chết)	Tân Dân 2	001152003571	CG 411711	UBND huyện Thanh Oai	22/12/2016	Đồng Gù	LUC	241-243	00	178	220	53	1032	178	55.180.000	137.950.000	1.780.000	194.910.000	
62	Nguyễn Thị May	Chung Chính	001148016976	CG 345175	UBND huyện Thanh Oai	8/12/2016	Gù	LUC	241+243	00	196	303	53	1200	196	60.760.000	151.900.000	1.960.000	214.620.000	
63	Hoàng Văn Trung đại diện Nguyễn Thị Sang	Tân Dân 2	001082045414	CG 411713	UBND huyện Thanh Oai	22/12/2016	Đồng Gù	LUC	220	00	264	269	53	1320	264	81.840.000	204.600.000	2.640.000	289.080.000	
64	Nguyễn Thị Sến (chết)	Tân Dân 2	001073012482	CG 345179	UBND huyện Thanh Oai	8/12/2016	Đồng Gù	LUC	216+227	00	25	381	53	300	25	7.750.000	19.375.000	250.000	27.375.000	
65	Nguyễn Tiến Ánh	Tân Dân 2	001071015135	CH 160901	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Đồng Gù	LUC	234	00	108	265	53	422,3	108	33.480.000	83.700.000	1.080.000	118.260.000	
66	Nguyễn Tiến Bằng	Tân Dân 2	001064011839	CE 801924	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đồng Gù	LUC	233	00	178	306	53	690,6	178	55.180.000	137.950.000	1.780.000	194.910.000	
67	Nguyễn Tiến Cầm	Tân Dân 2	001074035911	CG 345171	UBND huyện Thanh Oai	8/12/2016	Đồng Gù	LUC	235	00	76	289	53	372	76	23.560.000	58.900.000	760.000	83.220.000	
68	Nguyễn Tiến Quyết	Tân Dân 2	001048013364	CG 345134	UBND huyện Thanh Oai	8/12/2016	Đống Dịch	LUC	796	00	205	54	57	936	205	63.550.000	158.875.000	2.050.000	224.475.000	
69	Nguyễn Tiến Quyết	Tân Dân 2	001048013364	CE 801928	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đống Dịch	LUC	216-227	00	60,0	55	57	288	60,0	18.600.000	46.500.000	600.000	65.700.000	
70	Nguyễn Tiến Tám	Tân Dân 2	001083047216	CH 160877	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Đồng Gù	LUC	216	00	331	283	53	1776	331	102.610.000	256.525.000	3.310.000	362.445.000	
71	Nguyễn Văn Hoàn	Tân Dân 2	001048016204	CE 801932	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đồng Gù	LUC	241-243	00	261	290	53	888	261	80.910.000	202.275.000	2.610.000	285.795.000	

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý								Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m ²)	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m ²)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Người nhận tiền (ký và ghi rõ họ tên)
				Số phát hành	Nơi cấp	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m ²)	Số thửa đất	Tờ bản đồ				Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m ² (không quá 10.000.000đ/hộ)		
72	Nguyễn Văn Khánh	Tân Dân 2	001064010295	CG 345143	UBND huyện Thanh Oai	08/12/2016	Đồng Gù	LUC	195	00	248	242	53	1200	248	76.880.000	192.200.000	2.480.000	271.560.000	
73	Nguyễn Văn Sơn	Tân Dân 2	001057008837	CE 801987	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đồng Gù	LUC	159	00	200	218	53	888	200	62.000.000	155.000.000	2.000.000	219.000.000	
74	Phạm Thị ái	Tân Dân 2	001137013419	CE 901990	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Gù	LUC	284	00	48	341	53	300	48	14.880.000	37.200.000	480.000	52.560.000	
75	Phạm Thị Bình	Tân Dân 2	001158006697	CG 411703	UBND huyện Thanh Oai	22/12/2016	Đồng Gù	LUC	152	00	261	222	53	1320	261	80.910.000	202.275.000	2.610.000	285.795.000	
76	Phạm Thị Hai	Tân Dân 2	00113700767	CE 801951	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Gù	LUC	196	00	143	249	53	636	143	44.330.000	110.825.000	1.430.000	156.585.000	
77	Phạm Thị Hén	Tân Dân 2	001149007881	CG 345109	UBND huyện Thanh Oai	8/12/2016	Đồng Gù	LUC	186	00	280	235	53	1272	280	86.800.000	217.000.000	2.800.000	306.600.000	
78	Phạm Thị Khanh	Tân Dân 2	001161004703	CH 160907	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Gù	LUC	238	00	223	301	53	948	223	69.130.000	172.825.000	2.230.000	244.185.000	
79	Phạm Thị Loan	Cầu Chuông	001168010007	CE 801902	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Gù	LUC	282	00	184	317	53	1032	184	57.040.000	142.600.000	1.840.000	201.480.000	
80	Phạm Văn Bắc	Tân Dân 2	001075010880	CG 345178	UBND huyện Thanh Oai	8/12/2016	Gù	LUC	241+243	00	47	245	53	144	47	14.570.000	36.425.000	470.000	51.465.000	
81	Phạm Văn Bắc	Tân Dân 2	001075010880	CG 345131	UBND huyện Thanh Oai	8/12/2016	Đồng Gù	LUC	180	00	124	247	53	468	124	38.440.000	96.100.000	1.240.000	135.780.000	
82	Phạm Văn Bắc	Tân Dân 2	001067014351	CG 345167	UBND huyện Thanh Oai	08/12/2016	Đồng Gù	LUC	213	00	54	271	53	228	54	16.740.000	41.850.000	540.000	59.130.000	

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý								Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m ²)	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m ²)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Người nhận tiền (ký và ghi rõ họ tên)
				Số phát hành	Nơi cấp	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m ²)	Số thửa đất	Tờ bản đồ				Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m ² (không quá 10.000.000đ/hộ)		
83	Phạm Văn Cân	Tân Dân 2	001058001816	CG 345217	UBND huyện Thanh Oai	08/12/2016	Đồng Gù	LUC	241+243	00	242	298	53	1032	242	75.020.000	187.550.000	2.420.000	264.990.000	
84	Phạm Văn Chí	Tân Dân 2	001054021695	CE 801908	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đồng Gù	LUC	263	00	213	322	53	888	213	66.030.000	165.075.000	2.130.000	233.235.000	
85	Phạm Văn Chí	Tân Dân 2	001058028202	CG 345091	UBND huyện Thanh Oai	08/12/2016	Gù	LUC	264	00	283	326	53	1176	283	87.730.000	219.325.000	2.830.000	309.885.000	
86	Phạm Văn Chung	Tân Dân 2	001063013459	CG 345108	UBND huyện Thanh Oai	8/12/2016	Đồng Gù	LUC	254	00	213	314	53	888	213	66.030.000	165.075.000	2.130.000	233.235.000	
87	Phạm Văn Đê	Tân Dân 2	001066046143	CE 801971	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Gù	LUC	304	00	111	371	53	456	111	34.410.000	86.025.000	1.110.000	121.545.000	
88	Phạm Văn Đồng	Tân Dân 2	001067012802	CG 345094	UBND huyện Thanh Oai	8/12/2016	Gù	LUC	241-243	00	516	234	53	912	516	159.960.000	399.900.000	5.160.000	565.020.000	
89	Phạm Văn Giám	Tân Dân 2	001067008942	CE 801926	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đồng Gù	LUC	321	00	143	378	53	600	143	44.330.000	110.825.000	1.430.000	156.585.000	
90	Phạm Văn Hùng	Tân Dân 2	001072009433	CE 801905	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đồng Gù	LUC	219	00	89	258	53	456	89	27.590.000	68.975.000	890.000	97.455.000	
91	Phạm Văn Hùng	Tân Dân 2	001072036883	CG 411695	UBND huyện Thanh Oai	22/12/2016	Gù	LUC	241-243	00	229	354	53	1212	229	70.990.000	177.475.000	2.290.000	250.755.000	
92	Phạm Văn Hương	Tân Dân 2	001068009850	CE 801995	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đồng Gù	LUC	203	00	89	285	53	600	89	27.590.000	68.975.000	890.000	97.455.000	
93	Phạm Văn Hương	Tân Dân 2	001068009850	CH 160912	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Đống Dịch	LUC	806	00	213	29	57	732	213	66.030.000	165.075.000	2.130.000	233.235.000	

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý								Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m ²)	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m ²)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Người nhận tiền (ký và ghi rõ họ tên)
				Số phát hành	Nơi cấp	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m ²)	Số thửa đất	Tờ bản đồ				Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m ² (không quá 10.000.000đ/hộ)		
94	Phạm Văn Khoa	Tân Dân 2	001071020705	CG 345168	UBND huyện Thanh Oai	08/12/2016	Đồng Gù	LUC	214	00	89	272	53	456	89	27.590.000	68.975.000	890.000	97.455.000	
95	Phạm Văn Lại	Tân Dân 2	001052014579	CE 801998	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đồng Gù	LUC	279	00	296	350	53	1548	296	91.760.000	229.400.000	2.960.000	324.120.000	
96	Phạm Văn Lập	Tân Dân 2	001060033576	CG 345189	UBND huyện Thanh Oai	8/12/2016	Đồng Gù	LUC	251	00	289	331	53	1176	289	89.590.000	223.975.000	2.890.000	316.455.000	
97	Phạm Văn Phòng	Tân Dân 2	001069035900	CE 801922	UBND huyện Thanh Oai	11/12/2016	Đồng Gù	LUC	302	00	130	365	53	492	130	40.300.000	100.750.000	1.300.000	142.350.000	
98	Hoàng Thị Phóng đại diện Phạm Văn Sáng (chết)	Tân Dân 2	001157008222	CH 160904	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Đồng Gù	LUC	204	00	181	288	53	744	181	56.110.000	140.275.000	1.810.000	198.195.000	
99	Phạm Văn Tám	Tân Dân 2	001074010730	CG 411688	UBND huyện Thanh Oai	22/12/2016	Đồng Gù	LUC	249	00	204	293	53	828	204	63.240.000	158.100.000	2.040.000	223.380.000	
100	Phạm Văn Thắng	Tân Dân 2	001057030298	CE 801970	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đồng Gù	LUC	307	00	273	362	53	1176	273	84.630.000	211.575.000	2.730.000	298.935.000	
101	Phạm Văn Thắng	Tân Dân 2	001065009403	CE 801974	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đồng Gù	LUC	305	00	123	373	53	598	123	38.130.000	95.325.000	1.230.000	134.685.000	
102	Phạm Văn Thanh đại diện Phạm Văn Thịnh (chết)	Tân Dân 2	001089043444	CG 411685	UBND huyện Thanh Oai	22/12/2016	Đồng Gù	LUC	310	00	289	370	53	1200	289	89.590.000	223.975.000	2.890.000	316.455.000	
103	Nguyễn Thị Chủ đại diện Phạm Minh Thơm (chết)	Tân Dân 2	001158019736	CE 801901	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đồng Gù	LUC	0	00	178	357	53	744	178	55.180.000	137.950.000	1.780.000	194.910.000	
104	Phạm Quốc Toàn	Tân Dân 1	001065015367	CE 801979	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đồng Gù	LUC	289	00	73	355	53	456	73	22.630.000	56.575.000	730.000	79.935.000	

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý								Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m ²)	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m ²)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Người nhận tiền (ký và ghi rõ họ tên)
				Số phát hành	Nơi cấp	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m ²)	Số thửa đất	Tờ bản đồ				Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng (không quá 10.000.000đ/hộ)		
105	Phạm Văn Trách	Tân Dân 2	001054021825	CE 801984	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đồng Gò	LUC	166	00	191	205	53	1032	191	59.210.000	148.025.000	1.910.000	209.145.000	
106	Phạm Văn Chiến đại diện Phạm Văn Tu (chết)	Tân Dân 2	001073046165	CE 801914	UBND huyện Thanh Oai	11/11/2016	Đồng Gò	LUC	212	00	178	259	53	744	178	55.180.000	137.950.000	1.780.000	194.910.000	
107	Phạm Văn Quân (chết)	Tân Dân 2	001180006863	CG 345138	UBND huyện Thanh Oai	8/12/2016	Đồng Gò	LUC	156	00	92	207	53	480	92	28.520.000	71.300.000	920.000	100.740.000	
108	Phạm Văn Vỹ	Tân Dân 2	001074047814	CG 345169	UBND huyện Thanh Oai	08/12/2016	Gò	LUC	182	00	60	252	53	228	60	18.600.000	46.500.000	600.000	65.700.000	
109	Phạm Văn Xuân	Tân Dân 2	001053016052	CG 345190	UBND huyện Thanh Oai	08/12/2016	Gò	LUC	165	00	245	233	53	1308	245	75.950.000	189.875.000	2.450.000	268.275.000	
											19.108,0				19.108,0	5.923.480.000	14.808.700.000	191.080.000	20.923.260.000	

(Bằng chữ: Hai mươi tỷ, chín trăm hai mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Mạnh